

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Flamingo Linh Trường tại xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Quốc Trí;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 121/CV-FLAMINGO ngày 25/9/2023 và Công văn số 123/CV-FLAMINGO ngày 25/10/2023 của Công ty TNHH Flamingo Hải Tiến về đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Flamingo Linh Trường tại xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1455/TTr-STNMT ngày 02 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Flamingo Hải Tiến, địa chỉ tại Tòa nhà Viettel, Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Dự án Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Flamingo Linh Trường tại xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Flamingo Linh Trường.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0101541887. Đăng ký lần đầu ngày 29/7/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 27/7/2022 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

1.4. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp: 0101541887

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích sử dụng đất 191.782,0 m²;

- Quy mô dự án: Đất xây dựng công trình dạng cao tầng có diện tích 3.637,7m²; đất khách sạn Mini có diện tích 12.060m²; đất xây dựng công trình dạng liền kề có diện tích 31.686m²; đất xây dựng công trình dạng thấp tầng có diện tích 3.686m²; đất công trình dịch vụ có diện tích 5.346,7m²; đất cây xanh, vườn hoa có diện tích 13.485m²; đất công viên, cây xanh có diện tích 50.383m²; đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật có diện tích 675m²; đất bãi đỗ xe có diện tích 1.401,5m²; đất đường dạo, đường đi bộ có diện tích 1.647m²; đất giao thông có diện tích 63.566,1 m²; đất điều chỉnh chức năng có diện tích 4.208m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về mùi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Flamingo Hải Tiến và đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành sau khi hoàn thành Dự án:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Flamingo Hải Tiến có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

3. Đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành sau khi hoàn thành Dự án.

Tiếp tục vận hành các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại giấy phép này và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 15 tháng 11 năm 2023 đến ngày 15 tháng 11 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Hoàng Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Flamingo Hải Tiên (để t/hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/cáo);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Hoàng Hóa (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại công trình hỗn hợp nghỉ dưỡng cao tầng Linh Trường (bao gồm nước thải rửa tay chân, nước thải nhà ăn, nước thải dội vệ sinh), lưu lượng 275,6 m³/ngày đêm.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khối Khách sạn Mini (bao gồm nước thải rửa tay chân, nước thải nhà ăn, nước thải dội vệ sinh), lưu lượng 605,6 m³/ngày đêm.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khối Nhà nghỉ dưỡng dạng liên kề (bao gồm nước thải rửa tay chân, nước thải nhà ăn, nước thải dội vệ sinh), lưu lượng 258,4 m³/ngày đêm.

1.4. Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khối Biệt thự nghỉ dưỡng thấp tầng (bao gồm nước thải rửa tay chân, nước thải nhà ăn, nước thải dội vệ sinh), lưu lượng 16,0 m³/ngày đêm.

1.5. Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại công trình dịch vụ thương mại Linh Trường (bao gồm nước thải rửa tay chân, nước thải nhà ăn, nước thải dội vệ sinh), lưu lượng 33,9 m³/ngày đêm.

1.6. Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung, lưu lượng 2,1m³/lần xả.

1.7. Nguồn số 07: Nước thải từ quá trình thau rửa bể bơi (phát sinh không thường xuyên, 01 lần/năm) tại công trình hỗn hợp nghỉ dưỡng cao tầng Linh Trường và Công trình dịch vụ thương mại Linh Trường (bao gồm nước xả kiệt bể bơi và nước rửa ngược lọc tuần hoàn), lưu lượng là 417,5m³/ngày đêm.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Lạch Trường, đoạn chảy qua xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01 (nước thải từ các nguồn 01, 02, 03, 04, 05 và số 06) được thu gom, xử lý qua Hệ thống xử lý nước thải tập trung, sau đó xả thải qua đường ống PVC, DN200 ra Sông Lạch Trường, đoạn chảy qua xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰) như sau: X = 2200357 (m), Y = 600520 (m).

- Dóng nước thải số 02 (nước thải từ nguồn số 07 - nước thải từ quá trình thay và thay rửa bể bơi) được xử lý lắng lọc, sau đó thoát ra mương thoát nước mặt và xả thải ra Sông Lạch Trường, đoạn chảy qua xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0) như sau: X = 2200357 (m), Y = 600520 (m).

- Điểm xả nước thải ra môi trường phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.609,1 m³/ngày đêm, trong đó:

- Dòng nước thải số 01: 1.191,6 m³/ngày đêm.

- Dòng số nước thải 02: 417,5m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Dòng nước thải số 01: Bơm cưỡng bức qua đường ống PVC, DN200 ra Sông Lạch Trường theo hình thức xả mặt.

- Dòng nước thải số 02: Tự chảy theo mương, công thoát nước mặt ra Sông Lạch Trường theo hình thức xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải của Dòng số 01 và số 02 trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, k = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	⁰ C	-	Không phải thực hiện	Thực hiện quan trắc nước thải tự động liên tục
2	pH	-	5 - 9		
3	TSS	mg/l	50		
4	COD	mg/l	-		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
6	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30	03 tháng/lần	Không áp dụng
7	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
8	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1.0		
9	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
12	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
13	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ nguồn thải số 01, số 02, số 03, số 04, số 05 và số 06 → Đường ống cống BTCT D(300-400) → Bể thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 1.500 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ nguồn thải số 07 sau khi được xử lý lắng lọc → Đường cống BTCT D400 → Đường ống cống BTCT D1.500 → Sông Lạch Trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Bể gom (T01) → Bể tách dầu mỡ (T02) → Bể điều hòa (T03) → Bể Anoxic (T04 A/B) → Bể Aerotank kết hợp MBBR (T05 A/B) → Bể trung gian 01 (T06) → Bể lắng sinh học (T07) → Bể trung gian 02 và bồn lọc (T08) → Bể khử trùng và ngăn bơm (T09) → Đường PVC, DN200 → Môi trường tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 1.500 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch NaOH, Javel (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm

- Vị trí lắp đặt: Tại ngăn bơm nước thải sau khi xử lý, trước khi xả ra Sông Lạch Trường.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng, Nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: Lắp đặt trước khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm.

- Kết nối, truyền số liệu: Phải hoàn thành việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá trước khi vận hành thử nghiệm Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư xây dựng hệ thống Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 1.500m³/ngày đêm, trong đó có dung tích các bể xử lý và thiết bị lắp đặt có thể tăng công suất xử lý thêm (20 - 30)% trong trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn xử lý nước thải phát sinh của toàn bộ dự án.

- Toàn bộ hệ thống cống, đường ống thu gom nước thải và các hố ga, giếng thăm là khép kín và các bể chứa nước của Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng thể tích hữu dụng có thể lưu giữ tạm thời được khoảng 3.000m³ nước thải (tương đương với lưu lượng nước thải của dự án cần thu gom, xử lý tối đa trong vòng 2,5 ngày) trong trường hợp xảy ra sự cố đối với Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống xử lý nước thải được lắp đặt thiết bị dự phòng như máy bơm, máy thổi khí (mỗi loại được trang bị 02 thiết bị: 01 làm việc; 01 dự phòng); Hệ thống bể thiếu khí và hiếu khí được thiết kế chạy 02 module song song, nên khi gặp sự cố có thể vận hành 01 module và 01 module để lưu nước.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

+ Công nhân dừng vận hành hệ thống, đóng van để lưu giữ nước thải tạm thời trong các bể chứa của Hệ thống xử lý nước thải tập trung và trong các đường ống thu gom, các hố ga, giếng thăm.

+ Tập trung nguồn lực khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, từ tháng 4/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 1.500 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại bể gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý tập trung;

- 01 vị trí tại ngăn bơm nước thải sau hệ thống xử lý tập trung trước khi xả thải ra môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...). Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Flamingo Hải Tiến có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp phép để giám sát).

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.7. Trước khi bàn giao công trình cho đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành Công ty TNHH Flamingo Hải Tiến chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này; hoàn thành các thủ tục về nghiệm thu, bàn giao công trình xử lý nước thải đảm bảo

các chỉ tiêu đáp ứng các giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo Mục 2.3.3 phần A của phụ lục này.

3.8. Đối với đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành sau khi hoàn thành Dự án: Sau khi tiếp nhận quản lý, vận hành, đơn vị tiếp nhận Dự án phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải của dự án, đảm bảo chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt các giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống thu gom, xử lý khí thải (mùi) của Hệ thống xử lý nước thải tập trung, cao 5m trong khuôn viên của dự án tại xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Toạ độ vị trí xả khí thải: X = 2200148 (m); Y = 600401 (m) (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.000 m³/giờ (tương ứng với công suất quạt hút của hệ thống xử lý khí thải).

2.2.1. Phương thức xả thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải sau xử lý

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, K_p = 1,0 và K_v = 1,2), cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	600	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	1.020		
3	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	9,0		
4	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải, mùi

Khí thải, mùi phát sinh từ nguồn số 01 được thu gom bằng đường ống PVC DN200 → 02 Quạt hút song song (công suất hút 2.500m³/giờ) → Thiết bị xử lý khí thải → Ống thải PVC, DN200 → Môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Khí thải (mùi) từ các bể xử lý nước thải → Đường ống PVC, DN200 → Quạt hút → Tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thải PVC, DN200 → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 5.000 m³/giờ (theo công suất 02 quạt hút song song).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch hấp thụ NaOH, than hoạt tính (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thời gian vận hành: 03 tháng, từ tháng 4/2024 (cùng với thời gian vận hành thử nghiệm của Hệ thống xử lý nước thải tập trung).

2.3. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải (mùi) của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.4. Vị trí lấy mẫu: Tại thân ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải (mùi).

2.5. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải tập trung bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường khác:

- Đối với mùi, khí thải từ các công trình, thiết bị thu gom nước thải: Định kỳ bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt; thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước mưa và định kỳ phun xịt chất khử trùng khu vực cống rãnh thoát nước trong khu dự án;

- Đối với mùi, khí thải từ quá trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn: Yêu cầu các khách du lịch, khách lưu trú trong khu dự án thu gom, quản lý chất thải rắn đúng nơi quy định; không bỏ rác bừa bãi ra khu vực xung quanh; rác thải sinh hoạt phát sinh được chuyển đi sau mỗi ngày và không để lưu trú rác qua đêm tránh việc gây phát sinh mùi, ruồi bọ và nước rỉ rác ra môi trường; tại các kho tập kết rác thải sinh hoạt thường xuyên quét dọn, phun xịt chất diệt khuẩn, khử mùi tránh phát sinh mùi hôi thối ra môi trường.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý mùi, khí thải; Định kỳ hàng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị, quạt hút.

3.4. Trước khi bàn giao công trình cho đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành Công ty TNHH Flamingo Hải Tiến chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả về việc xả khí thải, mùi ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

3.5. Đối với đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành sau khi hoàn thành Dự án: Sau khi tiếp nhận quản lý, vận hành, đơn vị tiếp nhận Dự án phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý khí thải (mùi) của dự án, đảm bảo chất lượng khí thải sau khi xử lý đạt các giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

1.1. Nguồn tiếng ồn, độ rung phát sinh thường xuyên.

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy nén khí, máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 1.500m³/ngày.đêm.

1.2. Nguồn tiếng ồn, độ rung phát sinh không thường xuyên

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 2.000KVA đặt tại công trình hỗn hợp nghỉ dưỡng cao tầng Linh Trường

- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 1.250KVA đặt tại công trình hỗn hợp nghỉ dưỡng cao tầng Linh Trường

- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 200KVA đặt tại khu vực vườn hoa trung tâm

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung trong khuôn viên dự án tại xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ đại diện như sau:

- Nguồn số 01: X = 2200148 (m); Y = 600401 (m).

- Nguồn số 02: X = 2200349 (m); Y = 600404 (m).

- Nguồn số 03: X = 2200350 (m); Y = 600437 (m).

- Nguồn số 04: X = 2200099 (m); Y = 600475 (m).

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^o múi chiều 3^o).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1 Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Kê đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

1.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu mỡ bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

1.3. Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng chất thải (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	50	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	100	16 01 12
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn	400	17 02 03
4	Bao bì cứng bằng nhựa bị nhiễm các TPNH (can nhựa đựng hóa chất)	Rắn/lỏng	200	18 01 03
5	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	Rắn	150	18 02 01
6	Than hoạt tính (Trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	720	12 01 04
	Tổng số lượng		1.620	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống XLNT	Bùn/lỏng	1.950.000
2	Bùn thải từ bể tự hoại 03 ngăn	Bùn/lỏng	354.600
3	Chất thải rắn từ hoạt động chăm sóc cây trồng	Rắn	50
4	Chất thải rắn từ biển trôi dạt từ biển vào bãi tắm của dự án	Rắn	18.250
	Tổng		2.322.900

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	1.605
Tổng khối lượng			1.605

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các hộ dân, nhà đầu tư thứ cấp hoạt động trong khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng tự trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh. Thùng lưu chứa bằng nhựa, có nắp đậy.

- Chủ Dự án trang bị các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy dung tích 60 - 120lit/thùng để lưu chứa CTNH phát sinh tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Chất thải nguy hại được lưu giữ tại kho lưu chứa CTNH có diện tích 6,0m² tại khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật. Công trình được xây dựng kiên cố, nền bằng gạch lát, tường xây gạch, mái bê tông cốt thép, có cửa ra vào.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển cảnh báo.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải: Thu gom về điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt (cạnh khu xử lý nước thải tập trung), diện tích 16,0 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Chất thải rắn từ biển trôi dạt từ biển vào bãi tắm của dự án được công nhân thu gom vào bao chứa, sau đó thu gom về điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt (cạnh khu xử lý nước thải tập trung), diện tích 16,0 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chủ dự án trang bị xe gom rác tại khu vực lưu giữ tạm thời để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Các đơn vị được giao quản lý, vận hành dự án ký hợp đồng với các đơn vị, tổ chức có chức năng bố trí phương tiện, phương thức thu gom chất thải rắn sinh hoạt vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Các nhà đầu tư thứ cấp: Tự trang bị thùng lưu chứa rác thải sinh hoạt; thực hiện quản lý, phân loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh theo Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 16,0 m² nằm cạnh khu vực xử lý nước thải tập trung của dự án; phun khử mùi bằng chế phẩm EM với tần suất 01 lần/ngày.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển cảnh báo.

2.4. Chuyển giao chất thải

Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố đối với nước thải; ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

1. Công ty TNHH Flamingo Hải Tiến đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường dự án Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Flamingo Linh Trường tại xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 26/5/2020.

2. Yêu cầu Công ty TNHH Flamingo Hải Tiến thực hiện vận hành thử nghiệm đối với các công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 trước khi bàn giao cho đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Trước khi bàn giao cho đơn vị quản lý, vận hành và khai thác dự án, Công ty TNHH Flamingo Hải Tiến phải thực hiện:

1.1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa, định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

1.2. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

1.3. Hoàn thành kết nối, truyền số liệu quan trắc tự động liên tục về hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

1.4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

1.5. Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1); khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

1.6. Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

1.7. Kiểm soát thông số ô nhiễm trong khí thải (mùi) sau ống khí thải của hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung bảo đảm khí thải sau xử lý đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,2$).

1.8. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

1.9. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

1.10. Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

1.11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

1.12. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

2. Trường hợp Công ty TNHH Flamingo Hải Tiến bàn giao cho đơn vị khác quản lý, vận hành dự án:

Đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành và khai thác dự án có trách nhiệm tiếp tục vận hành các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại giấy phép này và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.